TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2020
"V/v ly hôn tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Môn
Bà Hoàng Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Tống Lan Hương - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Nguyên đơn: Chị Hà Thị V, sinh năm 1976.

HKTT: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

**** Bị đơn**: Anh Hà Văn S, sinh năm 1972.

HKTT: Số nhà A đường Đ, tổ dân phố C, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020, Bản tự khai, Biên bản hòa giải trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hà Thị V trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là phường X), thành phố B ngày 08/11/2000, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu. Anh chị được được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do xảy ra bạo lực gia đình khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị và con chung là Hà Thị Kiều T đã về gia đình nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang sống ly thân anh S từ cuối năm 2018, trong thời gian này anh S không đến động viên thăm hỏi

gì chị mà còn nhiều lần đe dọa chị. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị và anh S có hai con chung là Hà Thị Kiều T, sinh ngày 14/6/2002 và Hà Văn H, sinh ngày 19/5/2008. Nay cháu T đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị nhất trí để anh S tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hà Văn H, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Hà Văn S trình bày quan điểm như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S xác nhận về thời gian, thủ tục và điều kiện kết hôn như chị V trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, đến tháng 10/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do anh phát hiện chị V có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi mắng nhau, có một lần anh đã dùng tay tát vào mặt chị V. Sau đó chị V đã tự ý về gia đình nhà bố mẹ đẻ sống ly thân anh từ tháng 10/2018. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng anh vẫn còn tình cảm yêu thương chị V. Anh mong muốn chị V rút đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh để vợ chồng về đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị V cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung là Hà Thị Kiều T, sinh ngày 14/6/2002 và Hà Văn H, sinh ngày 19/5/2008. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của con chung chưa thành niên của chị V và anh S là Hà Thị Kiều T, sinh ngày 14/6/2002 và Hà Văn H, sinh ngày 19/5/2008. Được thể hiện trường hợp bố mẹ ly hôn thì Hà Thị Kiều T có nguyện vọng được sống chung cùng với mẹ V, còn Hà Văn H có nguyện được vọng được sống chung với bố S.

* Tại Biên bản xác minh ngày 27/5/2020, tại địa phương thể hiện chị Hà Thị V kết hôn với anh Hà Văn S là công dân tổ dân phố C, phường X, có đăng ký kết hôn theo đúng thủ tục tại UBND xã X (nay là phường X). Quá trình chung sống anh S và chị V có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không rõ, địa phương chỉ biết hiện nay chị V và anh S không còn chung sống với nhau nữa. Chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa nguyên đơn là chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là anh S đề nghị chị V rút đơn khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ gia đình, còn trường hợp chị V kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nên các đương sự không tự thỏa thuận với nhau được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị V

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị V được ly hôn anh Hà Văn S.

- Về con chung: Giao cho anh Hà Văn S nuôi dưỡng con chung là Hà Văn Huy, sinh ngày 19/5/2008.

Phần cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị V thì thấy đây là quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn là anh S có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị V và anh Hà Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 08/11/2000 đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là phường X) thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị V xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 10/2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Anh S xác định mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh S đề nghị chị V rút đơn khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V. Trường hợp chị V kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, qua quá trình làm việc với chị V và anh S, cũng như kết quả xác minh tại địa phương, thì chị V và anh S có thời gian sống ly thân nhau khá dài. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì tiến hành hòa giải về tình cảm vợ chồng giữa các đương sự nhiều lần nhưng chị V vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh S. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị V và anh S có hai con chung là Hà Thị Kiều T, sinh ngày 14/6/2002 và Hà Văn H, sinh ngày 19/5/2008. Thời điểm giải quyết vụ án, con chung Hà Thị Kiều T chưa đủ 18 tuổi nên chị V yêu cầu được nuôi dưỡng. Đến thời điểm xét xử ngày hôm nay, con chung Hà Thị Kiều T đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Hà Văn H, tại phiên tòa chị V, anh S thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng là anh S, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giao con chung Hà Văn H cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị V và anh S đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị V.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Hà Thị V ly hôn anh Hà Văn S.

2. *Về con chung*: Giao con chung Hà Văn H, sinh ngày 19/5/2008 cho anh Hà Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Hà Thị Kiều T, sinh ngày 14/6/2002, đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Phần cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Hà Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000960 ngày 03/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP. B;
- CCTHA dân sự TP. B;
-UBND phường X, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Văn Tú